



ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CÁC TIÊU CHUẨN BASEL III TRONG HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG TẠI VIỆT NAM

Nguyễn Thị Hai Hằng
ĐH Kinh tế - Luật, ĐH Quốc gia TP.HCM

Bài viết đánh giá mức độ đáp ứng các chuẩn mực an toàn theo hiệp ước Basel III trong hoạt động của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam hiện nay; từ đó kiến nghị một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng đáp ứng, tiến tới áp dụng hiệp ước này trong thời gian tới với mục tiêu nâng cao năng lực quản trị rủi ro của các ngân hàng, để góp phần ổn định hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Đặt vấn đề

Sau khi Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đã có nhiều nỗ lực trong việc hoàn thiện hệ thống pháp lý về tiền tệ và hoạt động ngân hàng, theo đó, việc từng bước áp dụng các chuẩn mực của hiệp ước Basel II được đặc biệt chú trọng. Tuy nhiên, trong bối cảnh ấy thế giới lại xuất hiện hiệp ước Basel III với những chuẩn mực cao hơn rất nhiều và với lộ trình cũng đang đến rất gần. Như vậy, ngành ngân hàng Việt Nam đứng trước áp lực không chỉ phải sửa các quy định an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng (TCTD) nhằm đáp ứng toàn diện các tiêu chuẩn như quy định tại hiệp ước Basel II mà còn phải điều chỉnh theo hướng vận dụng các tiêu chí của hiệp ước Basel III vào hoạt động ngân hàng để có thể

bắt kịp công nghệ quản trị ngân hàng của thế giới. Với việc tuân thủ các chuẩn mực quốc tế, hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam sẽ ngày càng lành mạnh hơn, khả năng cạnh tranh của các ngân hàng sẽ ngày càng được nâng cao hơn và tính an toàn hoạt động cũng ngày càng đảm bảo hơn. Do đó, mặc dù Việt Nam không nằm trong danh sách các quốc gia thành viên của Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng, tức không chịu áp lực phải vận dụng các quy định an toàn của các hiệp ước này, song việc vận dụng các hiệp ước Basel trong hoạt động quản trị ngân hàng là vấn đề hết sức ý nghĩa và cần thiết đối với hệ thống ngân hàng nước ta.

Nội dung cơ bản của Basel III

Basel III tiếp tục kế thừa những nội dung của phiên

bản Basel II trước đó khi giữ lại kết cấu ba trụ cột (yêu cầu về vốn tối thiểu, quá trình thanh tra – giám sát và kỷ luật thị trường). Tuy nhiên, các quy định về vốn tối thiểu đã được cập nhật lại chặt chẽ hơn, đồng thời Ủy ban còn đề xuất thêm quy định về tỷ lệ đòn bẩy cũng như tỷ lệ thanh khoản toàn cầu nhằm giúp hệ thống ngân hàng hoạt động ngày càng an toàn và linh hoạt trước các biến động của thị trường. Nội dung chính của Basel III có thể khái quát như sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng, nhất quán và minh bạch của các cơ sở vốn.

Tỷ lệ khả năng thanh toán cốt lõi vẫn giữ ở mức 8% so với tổng tài sản có rủi ro, tuy nhiên các quy định của Basel III chú trọng vào lượng vốn cổ phần phổ thông. Theo đó, tỷ lệ vốn cổ phần phổ thông tối thiểu

được nâng từ mức 2% lên 4,5% (BIS, 2010^a; trang 12). Ngoài ra, Ủy ban còn bổ sung vốn đệm dự phòng tài chính (capital conservation buffer) đảm bảo bằng vốn cổ phần phổ thông với tỷ lệ 2,5% (BIS, 2010^a; trang 55) và thiết lập bộ đệm phòng ngừa theo chu kỳ kinh tế (countercyclical buffer) với tỷ lệ áp dụng từ 0-2,5% cũng được đảm bảo bằng vốn cổ phần phổ thông, sử dụng khi tỷ lệ tăng trưởng tín dụng quá nóng gây nguy cơ rủi ro cao cho hệ thống (BIS, 2010^a; trang 58).

Thứ hai, giữ lại các quy định về thanh tra – giám sát ngân hàng, kỷ luật thị trường và minh bạch thông tin. Theo đó, các nguyên tắc giám sát ngân hàng hiệu quả, các yêu cầu về công khai, minh bạch thông tin theo tiêu chuẩn Basel II vẫn phát huy tác dụng. Basel III chỉ siết lại các yêu cầu nắm bắt rủi ro từ hoạt động ngoại bảng, chứng khoán hóa và việc công bố thông tin cụ thể về cách tính vốn tối thiểu của ngân hàng.

Thứ ba, quy định thêm tỷ lệ đòn bẩy nhằm bổ sung cho các yêu cầu về vốn. Tỷ lệ đòn bẩy được quy định tối thiểu là 3% cho giai đoạn chuyển đổi từ ngày 1/1/2013 đến ngày 1/1/2017. Tỷ lệ này được tính bằng cách lấy tổng vốn cấp 1 yêu cầu chia cho tổng tài sản (không tính

tới các trọng số rủi ro) (BIS, 2010^a; trang 61).

Thứ tư, Basel III đưa ra các quy định nhằm thiết lập các yêu cầu về thanh khoản toàn cầu bao gồm: (i) Tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (Liquidity Coverage Ratio - LCR). Tỷ lệ này nhằm thúc đẩy khả năng phục hồi ngắn hạn về thanh khoản của ngân hàng bằng cách bảo đảm rằng ngân hàng đó có đủ nguồn lực chất lượng cao để tồn tại trong một kịch bản căng thẳng gay gắt kéo dài trong 30 ngày (BIS, 2010^b; trang 3); (ii) Tỷ lệ tài trợ ổn định ròng (Net Stable Funding Ratio - NSFR) nhằm tạo ra sự cân đối về kỳ hạn giữa tài sản và nguồn vốn của ngân hàng trong vòng một năm (BIS, 2010^b; trang 25).

Đánh giá mức độ đáp ứng các chuẩn mực của Basel III trong hoạt động của các NHTM Việt Nam

Mức độ đáp ứng các yêu cầu về vốn tối thiểu

Những năm gần đây, quy mô vốn của các NHTM Việt Nam không ngừng được mở rộng, nâng cao nhằm thỏa mãn các quy định từ phía cơ quan chức năng cũng như để đáp ứng yêu cầu cạnh tranh ngày càng khốc liệt của thị trường. Tính tới thời điểm 30/6/2011, vốn điều lệ trung bình của năm NHTM nhà nước là 14.550 tỷ đồng, của 37 NHTM cổ phần là 4.103

tỷ đồng. Hệ thống chỉ còn năm ngân hàng có mức vốn điều lệ dưới 3.000 tỷ đồng, bao gồm các ngân hàng: Phương Đông, Sài Gòn Công Thương, Bảo Việt, Xăng dầu Petrolimex và Gia Định (NHNN, 2011). Đồng thời, hệ số an toàn vốn của các ngân hàng cũng đã phổ biến ở mức trên 9%. Số liệu tập hợp từ báo cáo thường niên 2010 của các ngân hàng cho thấy, hệ số an toàn vốn (CAR) trung bình của các NHTM cổ phần đạt trên 12%, với các NHTM nhà nước là trên 8,5% (Bảng 1).

Theo quy định tại Thông tư 13/2010/TT-NHNN, ngày 27/9/2010 các ngân hàng phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 9% giữa vốn tự có so với tổng tài sản “có” rủi ro. Trong đó: vốn tự có là tổng của vốn cấp 1 và vốn cấp 2 trừ đi các khoản giảm trừ theo quy định. Tổng tài sản “có” rủi ro bao gồm tài sản có rủi ro nội bảng và tài sản có rủi ro ngoại bảng với mức độ rủi ro quy định cụ thể cho từng loại tài sản. Đối chiếu với quy định an toàn vốn của Basel III, chúng ta thấy cách tính vốn cấp 1 và vốn cấp 2 của Việt Nam cơ bản thỏa mãn các tiêu chí như yêu cầu của hiệp ước. Riêng quy định tính toán tổng tài sản có rủi ro của Basel III thì có rất nhiều khác biệt. Basel III xem xét đầy đủ cả ba loại rủi ro: rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường (BIS,

Bảng 1: Hệ số CAR và vốn điều lệ của các NHTM Việt Nam (2008 - 2010)

Ngân hàng	Hệ số CAR			Vốn điều lệ (Tỷ đồng)		
	2008	2009	2010	2008	2009	2010
ABBank	9,44%	12,24%	14,89%	2.705	3.482	3.831
ACB	13,00%	11,00%	10,06%	6.355	7.814	9.377
DAB	11,30%	10,64%	10,84%	2.880	3.400	4.500
Eximbank	45,89%	26,87%	17,79%	7.220	8.800	10.560
Habubank	10,97%	10,09%	12,29%	2.800	3.000	3.000
HDBank	6,08%	6,45%	7,56%	1.550	1.550	3.000
MilitaryBank	12,35%	12,00%	11,60%	3.400	5.300	7.300
Navibank	13,64%	10,38%	16,93%	1.000	1.000	1.820
Sacombank	12,16%	11,41%	9,97%	5.116	6.700	9.179
Saigonbank	8,49%	9,46%	9,27%	2.181	3.636	4.184
SHBank	11,10%	11,31%	13,80%	2.000	2.000	4.815
Techcombank	13,99%	9,60%	13,10%	3.642	5.400	6.932
Tienphongbank	11,50%	12,00%	18,00%	1.000	1.250	3.000
Trung bình nhóm thương mại cổ phần	13,84%	11,80%	12,78%	3.219	4.102	5.500
Agribank	7,20%	8,00%	8,50%	10.350	13.400	20.708
BIDV	8,94%	9,53%	9,30%	7.699	8.755	14.600
Vietcombank	8,90%	8,19%	8,37%	12.100	12.100	17.587
Vietinbank	10,90%	8,30%	8%	7.717	11.253	16.858
Trung bình nhóm thương mại nhà nước	8,99%	8,51%	8,54%	9.467	11.377	17.438

Nguồn: Báo cáo thường niên các ngân hàng (2008-2010)

2010^a; trang 28) trong khi quy định của Việt Nam chỉ đề cập tới rủi ro tín dụng (NHNN, 2010); đồng thời các khoản mục tài sản mà Basel III đề cập cũng phức tạp và đa dạng hơn nhiều so với danh mục tài sản của Thông tư 13/2010/TT-NHNN đề ra. Quy định hiện hành của Việt Nam vẫn dành các ưu đãi cho các nước OECD (NHNN, 2010) thì chuẩn mực của Basel III lại đưa ra các yêu cầu khắt khe theo mức độ xếp hạng tín nhiệm (XHTN) của quốc gia cũng như của từng loại tài sản. Thêm vào đó, Basel III quy định chặt chẽ hơn đối với tỷ lệ cấu thành của từng loại vốn, bổ sung thêm tỷ lệ vốn dự phòng tài chính và dự phòng trước các hiệu ứng chu kỳ. Vì thế, mặc dù tỷ lệ vốn tối thiểu yêu cầu theo Basel III cũng chỉ là 8%, thấp hơn

mức 9% như quy định hiện hành của Việt Nam (NHNN, 2010) nhưng thực hiện được như các chuẩn mực của Basel III vẫn là thách thức đối với các NHTM nước ta bởi cách tính của Việt Nam có nhiều khác biệt so với thế giới. Chúng ta có thể thấy những khác biệt đó qua số liệu thu thập tại Bảng 2.

Bảng 2: Hệ số CAR năm 2010 của một số NHTM theo cách tính của Việt Nam và quốc tế

Hệ số CAR	ABB	ACB	BIDV	EIB	SHB	TCB	VCB	Vietinbank
Cách tính Việt Nam	14,89%	10,06%	9,30%	17,79%	13,80%	13,10%	8,50%	8,00%
Cách tính Quốc tế	7,24%	8,54%	5,72%	9,40%	7,77%	8,00%	6,32%	5,00%

Nguồn: Báo cáo thường niên các NHTM và website TheBankerDatabase.com

Bên cạnh những điểm hạn chế trên, vẫn có những thuận lợi nhất định để các NHTM Việt Nam đáp ứng được các chuẩn mực vốn khắt khe của Basel III nếu xét ở khía cạnh các yếu tố cấu thành vốn. Theo quy định, vốn cấp

2 được tính toán từ chênh lệch đánh giá lại tài sản, giá trị của trái phiếu chuyển đổi và các công cụ nợ có kỳ hạn ban đầu tối thiểu là 10 năm (BIS, 2010^a; trang 17). Trên thực tế, các ngân hàng Việt Nam chưa thực hiện đánh giá lại tài sản, đồng thời việc phát hành trái phiếu chuyển đổi còn rất hạn chế trong khi hoạt động vay mượn lại chủ yếu được thực hiện với kỳ hạn ngắn hoặc trung hạn. Do vậy, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu vốn của các ngân hàng Việt Nam là vốn cấp 1, lượng vốn cấp 2 chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ. Đây là thuận lợi rất lớn để các ngân hàng nước ta đáp ứng được điều kiện vốn bị đánh giá là khắt khe nhất của hiệp ước Basel III.

Mức độ đáp ứng các yêu cầu về thanh tra, giám sát

Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng những năm gần đây cũng có nhiều chuyển

biến tích cực với việc ban hành hàng loạt các quy định cụ thể, khá tương thích với các nguyên tắc quốc tế, chẳng hạn: Luật NHNN số 46/2010/QH12, Quyết định 83/2009/QĐ-TTg ngày 27/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm

vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng trực thuộc NHNN Việt Nam; Chỉ thị số 03/2008/CT-NHNN, ngày 22/4/2008 về việc tăng cường công tác thanh tra, giám sát của NHNN... Tuy nhiên, công tác thanh tra, giám sát ngân hàng tại Việt Nam vẫn còn tồn tại một số hạn chế, bất cập. Những hạn chế này không chỉ tồn tại trong thực tiễn thi hành mà còn bắt nguồn từ những bất cập trong cơ chế, quy định pháp lý.

Về cơ cấu tổ chức: hiện nay, Việt Nam thực hiện giám sát tài chính theo mô hình phân tán dựa trên nền tảng thể chế với các cơ quan giám sát độc lập. Theo đó, tại Việt Nam có ba cơ quan thanh tra nhóm tài chính thuần túy (hình thức giám sát tài chính độc lập): (i) Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng thực hiện giám sát lĩnh vực ngân hàng; (ii) Thanh tra Bộ Tài chính thanh tra lĩnh vực bảo hiểm; (iii) Thanh tra của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thanh tra lĩnh vực chứng khoán. Mô hình này tỏ ra chưa hiệu quả khi mà các quy định về quyền hạn và chức năng xử lý của từng bộ phận thiếu rõ ràng, gây nên sự chồng chéo trong hoạt động, khó khăn cho các đối tượng bị thanh tra, giám sát. Thêm vào đó, những hạn chế trong quá trình phối hợp, chia sẻ thông tin giữa các cơ quan



có liên quan cũng khiến cho hoạt động thanh tra giám sát gặp nhiều khó khăn.

Về mục tiêu của hoạt động thanh tra giám sát: việc bảo vệ người sử dụng các sản phẩm ngân hàng, tài chính vẫn là điểm còn bỏ ngỏ trong khung pháp lý hiện hành. Theo các thông lệ quốc tế, ngoài chức năng thực hiện giám sát an toàn đối với các ngân hàng và công ty tài chính, cơ quan giám sát ngân hàng còn chức năng đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm dịch vụ tài chính ngân hàng (Ernst và Young, 2006). Tuy nhiên tại Việt Nam, vấn đề này chưa được quan tâm đúng mức.

Về phương pháp thanh tra giám sát: Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng Việt Nam hiện chủ yếu thực hiện thanh tra, giám sát tuân thủ mà chưa chú trọng vào hoạt động thanh tra dựa trên rủi ro. Điều này khiến cho hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng nước ta còn khoảng cách khá xa so với các chuẩn mực quốc tế, bởi các nguyên tắc Basel đều

yêu cầu việc thanh tra giám sát ngân hàng phải đánh giá được tính đầy đủ và hiệu quả của hệ thống quản lý, đánh giá và đo lường các rủi ro như rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường... đối với TCTD được giám sát.

Về mức độ độc lập của hoạt động thanh tra, giám sát: hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng tại Việt Nam được thực hiện độc lập và không chịu sự can thiệp trực tiếp từ Chính phủ cũng như của ngành ngân hàng. Khoản 11, Điều 4 Luật NHNN năm 2010 đã quy định rõ ràng trách nhiệm thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của NHNN Việt Nam. Tuy nhiên, trên thực tế hoạt động ngân hàng vẫn chịu một số ảnh hưởng nhất định từ phía cơ quan chức năng, chẳng hạn việc cấp tín dụng theo chỉ định của Chính phủ tại các NHTM nhà nước khiến gia tăng rủi ro cho hoạt động của các ngân hàng, ví dụ các khoản vay của tổng công ty thuộc ngành xây dựng, giao thông vận tải với khoản nợ lên tới trên 11.000 tỷ đồng, các chương trình kinh tế mà



chính sách cho vay của các NHTM buộc phải hướng theo nhưng kết cục không hiệu quả như đánh bắt xa bờ, mía đường, cà phê Arabica... (Phan Thị Thu Hà, 2007). Thế nhưng, Cơ quan Thanh tra Giám sát Ngân hàng vẫn tỏ ra khá ngần ngại vì luật chưa đưa ra những biện pháp quản lý, chế tài hiệu quả khi thực hiện thanh tra, giám sát các hoạt động này.

Như vậy, để đáp ứng các yêu cầu của Basel III thì hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng tại Việt Nam cần tiếp tục chuẩn hóa, hoàn thiện hơn không chỉ ở khía cạnh pháp lý mà còn cả trong thực tiễn triển khai các quy định.

Mức độ đáp ứng các nguyên tắc kỷ luật thị trường và minh bạch thông tin

Tại thị trường vốn bị đánh giá là kém minh bạch và kỷ luật thị trường vẫn còn nhiều hạn chế như Việt Nam thì việc chấp hành đầy đủ các yêu cầu công bố thông tin như quy định của Basel là điều rất khó khăn, nhất là đối với lĩnh vực ngân hàng. Mặc dù vậy, hành lang pháp lý của chúng ta cũng có nhiều quy định liên quan tới vấn đề này, chẳng hạn: Quyết định 518/2000/QĐ-NHNN, ngày 18/12/2000 và Chỉ thị 04/2001/CT-NHNN, ngày 05/6/2001 về công tác thông tin, báo cáo của ngành ngân hàng, trong đó quy định cụ thể về quy trình, cách thức

thông tin, báo cáo các dữ liệu để đánh giá hoạt động của TCTD về NHNN Việt Nam. Đối với hoạt động công bố công khai thông tin tới công chúng, NHNN cũng ban hành quyết định 16/2007/QĐ-NHNN, ngày 18/4/2007; trong đó quy định tất cả các TCTD thành lập và hoạt động tại Việt Nam phải công khai báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán kèm theo kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập. Các quy định này đã góp phần làm minh bạch hơn các thông tin hoạt động của các ngân hàng. Tuy nhiên, NHNN vẫn cần giám sát chặt chẽ hơn nữa hoạt động công bố thông tin để các ngân hàng thực hiện đúng thời hạn quy định, đồng thời cần giám sát cách thức, hình thức công bố thông tin để thuận lợi cho các đối tượng sử dụng thông tin. Bởi thực tế, nhiều ngân hàng thực hiện công bố thông tin chậm trễ, khối lượng thông tin ít, vắn tắt hoặc chỉ công bố thông tin có lợi cho ban điều hành theo hướng “đẹp khoe xấu che”. Cách thức truyền tải thông tin hiện tại của nhiều TCTD là không nhất quán, chẳng hạn: đơn vị tính toán có lúc sử dụng là triệu đồng, có khi lại là tỷ đồng... Những bất cập này khiến người sử dụng thông tin gặp nhiều khó khăn trong quá trình xử lý, nhất là đối với các đối tượng không có kiến thức sâu về tài chính, kế toán.

Các tổ chức XHTN độc lập giữ vai trò rất quan trọng trong việc minh bạch hóa thông tin thị trường. Các cơ quan hoạt động như tổ chức XHTN độc lập tại Việt Nam hiện nay có thể kể đến như: Trung tâm Thông tin Tín dụng trực thuộc NHNN, Trung tâm Thông tin Tín dụng Tư nhân PCB, Trung tâm Khoa học Thẩm định Tín nhiệm Doanh nghiệp CRC, Công ty Thông tin và XHTN C&R, Trung tâm Đánh giá Tín nhiệm Vietnamnet Ratings (CRVC) thuộc Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC.... Như vậy, số lượng tổ chức, đơn vị XHTN đã được cấp phép thành lập tại Việt Nam là không ít, nhưng việc triển khai dịch vụ đánh giá tín nhiệm còn gặp phải rất nhiều khó khăn, khiến cho hoạt động của các tổ chức XHTN tại Việt Nam còn khá mờ nhạt, từ đó chưa mang đến sự minh bạch như mong muốn cho thị trường.

Mức độ đáp ứng các quy định về thanh khoản

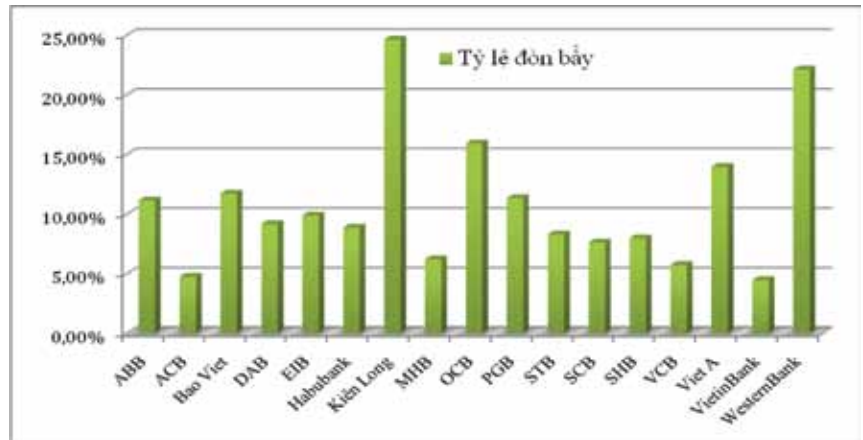
Tại Việt Nam, Thông tư 13/2010/TT-NHNN cũng có quy định về tỷ lệ khả năng chi trả của TCTD, theo đó các ngân hàng phải thành lập một bộ phận quản lý tài sản “nợ”, tài sản “có” (tư cấp phòng hoặc tương đương trở lên) để theo dõi và quản lý khả năng chi trả hàng ngày, đồng thời Thông tư đã đưa ra các mức quy định đảm bảo thanh khoản cụ

thể trong ngắn hạn, các quy định này khá tương đồng với tỷ lệ đảm bảo thanh khoản (LCR) mà Basel III đặt ra. Để tránh tình trạng chênh lệch lớn về kỳ hạn giữa tài sản nợ và tài sản có, Thông tư 15/2009/TT-NHNN quy định về tỷ lệ vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn, tỷ lệ này có ý nghĩa tương tự tỷ lệ tài trợ ổn định ròng (NSFR) trong Basel III. Như vậy, các quy định của Việt Nam đã khá gần với chuẩn mực quốc tế. Vấn đề còn lại là tạo ra cơ chế giám sát, theo dõi phù hợp để đảm bảo hệ thống thực thi các quy định này một cách nghiêm túc và hiệu quả.

Mức độ đáp ứng các yêu cầu về tỷ lệ đòn bẩy

Tại Việt Nam, từ đầu những năm 1990, Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã Tín dụng và Công ty Tài chính số 38-LCT/HĐNN8 do Hội đồng Bộ trưởng ban hành ngày 23/5/1990 đã có quy định về giới hạn an toàn, theo đó “TCTD không được huy động vốn quá 20 lần tổng số vốn tự có và quỹ dự trữ”. Tuy nhiên, những quy định đơn giản đó đã dần được thay thế bởi các quy định an toàn chặt chẽ hơn. Hiện nay, vẫn chưa có văn bản pháp lý nào quy định chính thức tỷ lệ đòn bẩy mà các NHTM Việt Nam phải chấp hành, nhưng với tỷ lệ vốn cấp 1 trên tổng tài sản

Biểu đồ 1: Tỷ lệ đòn bẩy (vốn cấp 1/tổng tài sản) của các NHTM Việt Nam



Nguồn: Tác giả tính toán từ Báo cáo tài chính 2010 của các ngân hàng

thực tế phổ biến ở mức trên 5%, các NHTM Việt Nam đã hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu tối thiểu mà Basel III đặt ra.

Một số giải pháp nhằm nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn Basel III vào hoạt động ngân hàng tại Việt Nam

Từ những phân tích bên trên, ta thấy rằng để có thể áp dụng các chuẩn mực Basel III vào hoạt động ngân hàng tại Việt Nam cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trước hết là phải hoàn thiện khung pháp lý và chính sách theo sát các quy định của chuẩn mực quốc tế, sau đó là việc nâng cao năng lực điều hành, quản lý của NHNN Việt Nam đồng thời phải tiếp tục hoàn thiện năng lực tổ chức, hoạt động của các NHTM. Theo đó, hành lang pháp lý của Việt Nam cần tiếp tục bổ sung, cập nhật các quy định an toàn trong hoạt động của TCTD cũng như các tiêu chí về thanh tra, giám sát ngân hàng

theo những tiêu chuẩn của hiệp ước Basel III: (i) Cần lượng hóa rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường trong cách tính chỉ số an toàn vốn tối thiểu để có thể đánh giá toàn diện hơn về tình trạng vốn của ngân hàng, xem xét áp dụng các tỷ lệ vốn đệm dự phòng tài chính và vốn đệm phòng ngừa theo chu kỳ với tỷ lệ phù hợp; (ii) Phải hoàn thiện cơ chế hoạt động và cấu trúc tổ chức của hệ thống giám sát tài chính quốc gia: Khoản 3, Điều 51 Luật NHNN 2010 yêu cầu NHNN thực hiện thanh tra, giám sát toàn bộ đối với hoạt động ngân hàng. Với xu hướng mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh theo mô hình tập đoàn của các NHTM thời gian gần đây, việc giám sát toàn bộ đòi hỏi phải có sự phối hợp của các cơ quan giám sát liên quan. Tuy nhiên với thực tế hiện nay, việc triển khai quy định này sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy về dài hạn, chúng ta cần nghiên cứu điều chỉnh mô hình giám sát tài chính tại Việt Nam



theo hướng mô hình giám sát hợp nhất, theo đó việc thanh tra, giám sát toàn bộ thị trường được giao về cho một cơ quan chuyên trách.

Đối với NHNN Việt Nam, cần thể hiện và phát huy hơn nữa vai trò điều hành, quản lý, giám sát hoạt động của các TCTD tại Việt Nam, cụ thể: (i) NHNN cần nghiên cứu, xây dựng lộ trình áp dụng các chuẩn mực Basel III vào hoạt động quản trị rủi ro của các NHTM cùng với những văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện cụ thể, phù hợp với thực trạng hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam; (ii) Với vai trò là cơ quan chủ quản về hoạt động thanh tra - giám sát ngân hàng, NHNN cần tạo điều kiện để cơ quan này hoạt động hiệu quả, phát huy được vai trò của mình. Theo đó, hoạt động thanh tra giám sát ngân hàng cần tăng cường hơn nữa để đạt được các mục tiêu duy trì sự ổn định của thị trường, giảm thiểu tội phạm tài chính, tăng cường nhận thức của công chúng và bảo vệ người tiêu dùng. Về kỹ thuật thực hiện, cần đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi từ thanh tra tu-ân thủ sang thanh tra trên cơ sở rủi ro; (iii) Nhằm hỗ trợ cho kỷ luật thị trường và minh bạch thông tin, việc xây dựng các tổ chức XHTN có uy tín là yêu cầu khách quan và rất cần thiết. Với lợi thế về nguồn thông tin và cơ sở dữ liệu hiện có,

NHNN cần xây dựng Trung tâm Thông tin Tín dụng (CIC) thành đơn vị hàng đầu trong việc thực hiện nghiệp vụ phân tích và xếp hạng tín dụng doanh nghiệp và cá nhân giúp nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro của hệ thống ngân hàng; (iv) Trong xu hướng hợp tác và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, NHNN nên đẩy mạnh hơn nữa việc tham gia các hiệp ước, các thỏa thuận quốc tế về giám sát ngân hàng và an toàn hoạt động hệ thống tài chính. Đồng thời NHNN cần tăng cường trao đổi thông tin với các cơ quan giám sát ngân hàng nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm thực tiễn cũng như góp phần thực hiện tốt nguyên tắc giám sát hiệu quả của Basel.

Với các NHTM, muốn áp dụng các chuẩn mực tiên tiến của Basel III vào hoạt động quản trị rủi ro của mình thì việc nâng cao năng lực tài chính, hoàn thiện hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ cũng như cải thiện hệ thống quản trị rủi ro, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là những công việc thiết yếu phải thực hiện.

Kết luận

Khách quan nhìn nhận thì quá trình vận dụng các tiêu chuẩn của hiệp ước Basel III tại Việt Nam sẽ khó có thể thực thi theo đúng tiến độ, lộ trình đề xuất của Ủy

ban Basel, nhưng nếu chúng ta thực hiện tốt quá trình chuyển đổi với sự nỗ lực, quyết tâm, đồng thuận sâu sắc từ Chính phủ, NHNN cho tới các NHTM thì việc đưa hoạt động quản trị ngân hàng Việt Nam nhanh chóng tiệm cận với các yêu cầu và chuẩn mực quốc tế là điều có thể thực hiện được[■]

Tài liệu tham khảo

1. Luật Ngân hàng Nhà nước 2010 (số 46/2010/QH12).
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2011), Hệ thống tổ chức tín dụng, www.sbv.gov.vn.
3. Ngân hàng Nhà nước (2010), Thông tư 13/2010/TT-NHNN, ngày 20/5/2010 quy định về các tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng.
4. Ernst và Young (2006), Tài liệu tọa đàm “Dự án tự đánh giá các nguyên tắc cơ bản Basel tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam”, Nha Trang.
5. BIS (2010a), A global regulatory framework for more resilient banks and banking systems, http://www.bis.org/publ/bcbs189_dec2010.htm.
6. BIS (2010b), Basel III: International framework for liquidity risk measurement, standards and monitoring, <http://www.bis.org/publ/bcbs188.htm>.
7. The Banker (2011), Top five bank Vietnam, <http://www.thebankerdatabase.com/static/index.cfm?CFID=2183703&CFTOKEN=15258522>.
8. Phan Thị Thu Hà (2007), Rủi ro tín dụng của hệ thống ngân hàng thương mại nhà nước Việt Nam - Cách tiếp cận từ tính chất sở hữu”, <http://kiemtoan.com.vn/modules.php?name=News&op=viewst&sid=952>.